

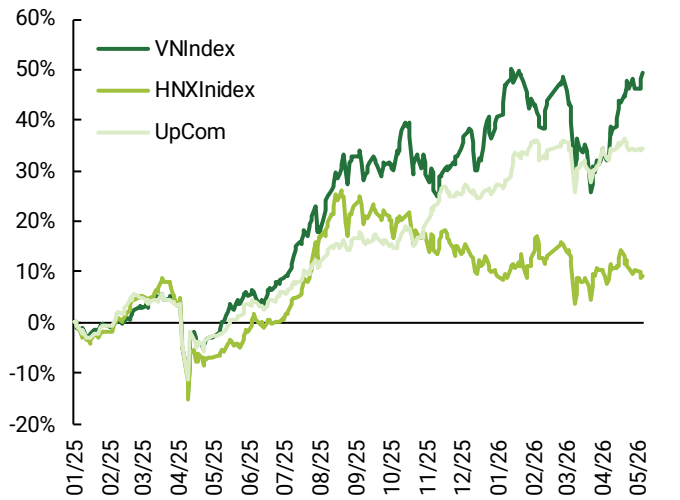
VN-Index **1891.2 (0.87%)**
 941 Tr. cổ phiếu 23988.1 Tỷ VND (6.79%)

HNX-Index **247.42 (-1.05%)**
 68 Tr. cổ phiếu 1261.4 Tỷ VND (-0.22%)

UPCOM-Index **127.65 (0.31%)**
 45 Tr. cổ phiếu 570.9 Tỷ VND (-11.72%)

VN30F1M **2060.00 (1.04%)**
 212,119 HD OI: 40,923 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1891.2, tăng +16.4 điểm (+0.87%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
 - Điểm nhấn trong phiên:** Kỳ vọng căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ - Iran hạ nhiệt đã hỗ trợ tâm lý thị trường. Sắc xanh trở lại về cuối phiên theo hướng lan tỏa, đi kèm thanh khoản gia tăng hàm ý lực cầu đồng thuận hơn.
 - Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: DIG (+3.1%), CRE (+3.4%), VRE (+4.0%) | Ngân hàng: ACB (+2.2%), LPB (+2.7%), STB (+3.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+2.1%), GEX (+6.9%), GEE (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (+1.9%), POW (+5.1%). Diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: PVD (-1.5%), PLX (-0.6%), BSR (-0.2%) | Công nghệ Thông tin: FPT (-1.4%), ELC (-0.6%) | Bảo hiểm: BMI (-2.0%), BVH (-1.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VCB, GEE, STB, TCB, LPB - Chiều giảm | MCH, FPT, NVL, VHM, VPI
- Khối ngoại Bán ròng gần 1100 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, ACB, HPG, trong khi mua ròng POW, MSN, DGC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** giữ sắc xanh và đóng cửa trên ngưỡng 1880 điểm, ủng hộ cho động lượng tăng. Mặt bằng cổ phiếu cũng dần thích nghi trước các biến động lớn tại nhóm trụ và không phản ứng quá tiêu cực trong phiên. Đáng chú ý, tỷ lệ cổ phiếu giao dịch trên ngưỡng MA20 ngày có dấu hiệu hồi phục, phản ánh độ rộng thị trường được cải thiện và nhiều mã dần lấy lại xu hướng tăng ngắn hạn. Nếu diễn biến này tiếp tục được duy trì trong các phiên tới, sẽ tạo nền tảng tích cực cho chỉ số bứt phá vùng đỉnh cũ 1900 điểm. Hỗ trợ gần hiện quanh mốc 1850 điểm.
- Đối với HNX-Index**, vận động quay lại kiểm định khu vực 250 nhưng chưa thể bứt phá. Dù vậy, thanh khoản tăng mạnh hàm ý lực cầu bắt đáy đang tham gia tích cực hơn. Nếu volume vẫn duy trì tốt, có thể kỳ vọng nhịp hồi hướng đến vùng 256.
- Chiến lược:** NĐT nên tập trung vào danh mục hiện có để quản trị phù hợp. Hiện đa phần cổ phiếu đang vận động quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn, nếu chưa vi phạm, có thể tiếp tục nắm giữ. Trường hợp xuất hiện dấu hiệu sập gãy xu hướng, nên chủ động hạ bớt vị thế để kiểm soát rủi ro. Chiều mua mới chưa nên vội vàng, cần xuất hiện mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Đầu tư công và Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi MWG (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,891.2	0.9%	2.0%	12.9%	23,988.1	6.8%	13.8%	33.9%	941.5	12.7%	30.2%	40.8%
HNX-Index	247.4	-1.0%	-1.3%	1.0%	1,261.4	-0.2%	9.8%	9.6%	68.3	0.0%	8.4%	14.3%
UPCOM-Index	127.7	0.3%	0.1%	1.4%	570.9	-11.7%	8.6%	25.5%	45.0	58.9%	49.6%	44.5%
VN30	2,053.4	1.0%	1.5%	11.8%	11,930.3	-7.5%	1.3%	27.5%	309.4	-9.1%	7.2%	16.4%
VNMID	2,224.8	1.7%	1.4%	5.1%	10,264.0	26.9%	26.6%	44.9%	477.8	32.2%	32.2%	48.4%
VNSML	1,412.4	0.5%	0.4%	1.6%	1,076.6	0.7%	31.7%	22.1%	70.3	15.7%	16.7%	10.5%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	641.9	1.1%	0.10%	4.8%	5,276.2	-1.74%	73.6%	-1.8%	213.0	-10.6%	67.4%	-5.7%
Bất động sản	1,009.3	0.1%	-1.3%	39.2%	5,390.2	-2.8%	72.6%	31.1%	200.4	30.1%	109.1%	52.4%
Dịch vụ tài chính	317.5	3.4%	-1.3%	-0.7%	4,086.7	150.2%	335.7%	60.5%	187.5	135.0%	318.6%	64.4%
Công nghiệp	285.2	3.2%	3.3%	3.7%	1,125.0	-24.7%	49.7%	3.3%	32.6	-20.0%	55.5%	5.0%
Tài nguyên cơ bản	541.8	1.0%	-1.4%	2.7%	903.8	-32.0%	48.2%	-17.3%	38.3	-22.9%	55.0%	-14.0%
Xây dựng - Vật Liệu	178.3	1.6%	-0.1%	0.1%	1,061.4	-18.6%	15.7%	-15.1%	49.5	-26.1%	8.4%	-18.1%
Thực phẩm	499.6	0.2%	-6.1%	-27.3%	1,196.4	23.4%	108.1%	7.6%	28.0	20.2%	86.8%	7.6%
Bán Lẻ	1,579.3	1.0%	-0.6%	4.6%	793.9	32.2%	95.0%	17.8%	10.0	38.2%	101.1%	13.7%
Công nghệ	396.5	-1.2%	-0.2%	0.2%	836.5	-16.1%	61.2%	31.6%	12.0	-15.1%	57.8%	28.4%
Hóa chất	190.2	1.5%	5.5%	4.9%	690.7	27.3%	80.1%	25.3%	18.0	5.7%	50.3%	16.5%
Tiện ích	758.1	1.7%	3.9%	-1.0%	843.8	51.4%	210.4%	110.1%	44.6	36.6%	214.7%	154.4%
Dầu khí	108.2	-0.4%	11.7%	0.4%	806.7	-16.4%	107.8%	53.4%	27.4	-18.8%	104.4%	54.3%
Dược phẩm	421.5	0.0%	1.6%	-4.2%	111.9	160.0%	277.6%	130.8%	3.8	43.1%	184.0%	116.2%
Bảo hiểm	107.1	-0.9%	-2.4%	-16.4%	54.6	9.2%	114.1%	4.8%	1.4	54.2%	194.1%	19.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,891.2	0.87%	6.0%	14.6x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,517	1.80%	20.4%	17.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,092	0.50%	-18.0%	8.4x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,963	0.59%	5.4%	16.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,967	1.17%	-1.4%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,160	1.17%	4.8%	16.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,214	1.22%	2.3%	13.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,513	-	18.2%	23.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,259	0.81%	6.0%	28.4x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	49,298	0.73%	2.6%	25.2x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,458	2.34%	5.3%	16.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,041	2.92%	4.3%	17.1x	2.5x
DXY		97.7	-0.71%	-0.7%		
USDVND		26,324	-0.03%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

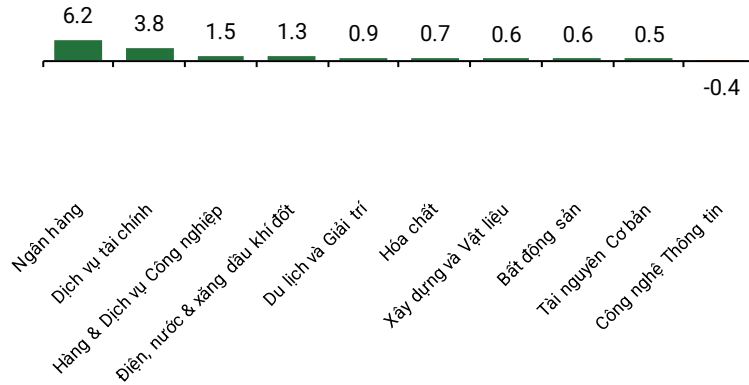
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-9.7%	-9.6%	63.1%	59.7%
Dầu WTI	▼	-11.2%	-19.2%	58.2%	53.7%
Khí gas	▼	-2.0%	-2.8%	-25.9%	-21.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.5%	3.5%	9.6%
Thép HRC (*)	▲	1.9%	5.1%	5.9%	4.9%
PVC (*)	▬	0.4%	-4.8%	14.6%	8.1%
Phân Urea (*)	▼	-0.6%	4.3%	92.6%	107.3%
Cao su thiên nhiên	▬	0.8%	8.0%	22.1%	27.4%
Bông Cotton	▬	0.0%	15.1%	28.3%	14.6%
Đường	▼	-5.2%	-2.7%	-2.9%	-16.5%
World Container Index	▬	0.0%	-3.1%	0.2%	6.0%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.2%	-21.9%	115.4%	169.0%
Vàng	▲	3.44%	1.4%	9.1%	37.4%
Bạc	▲	6.24%	6.3%	8.0%	133.0%

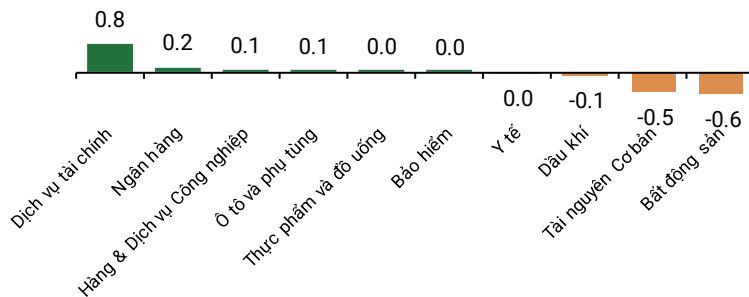
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

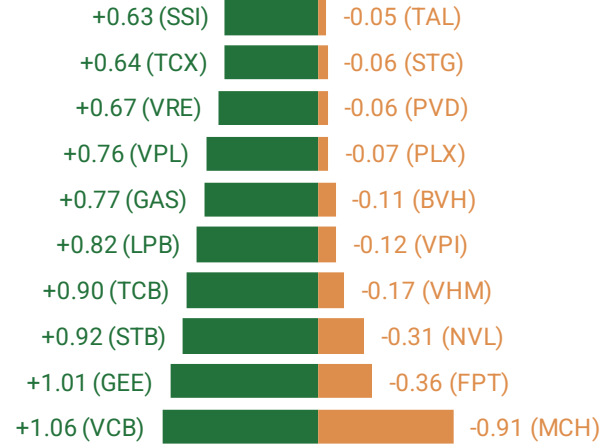
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



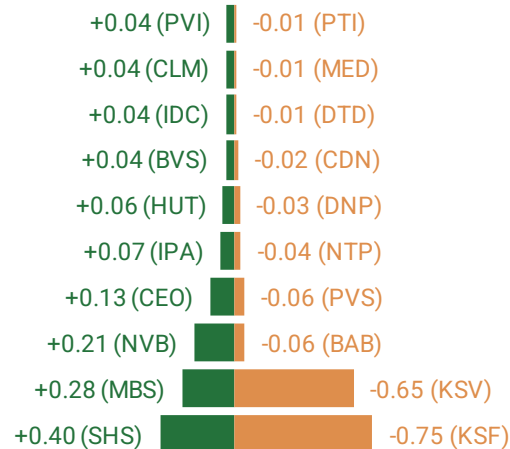
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

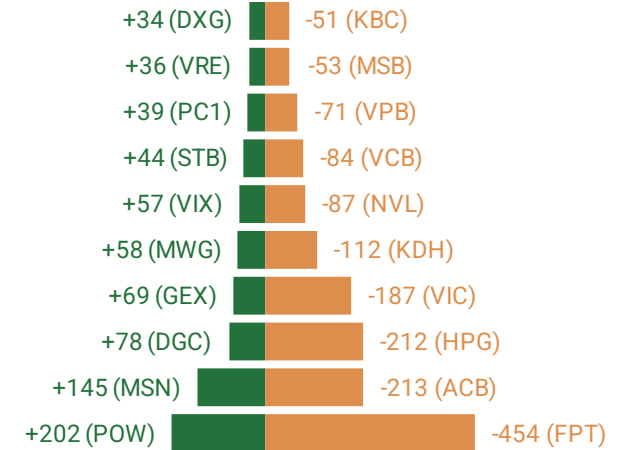


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

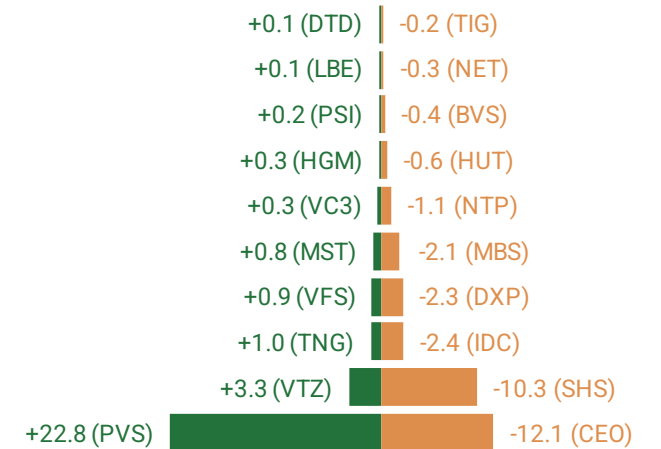


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



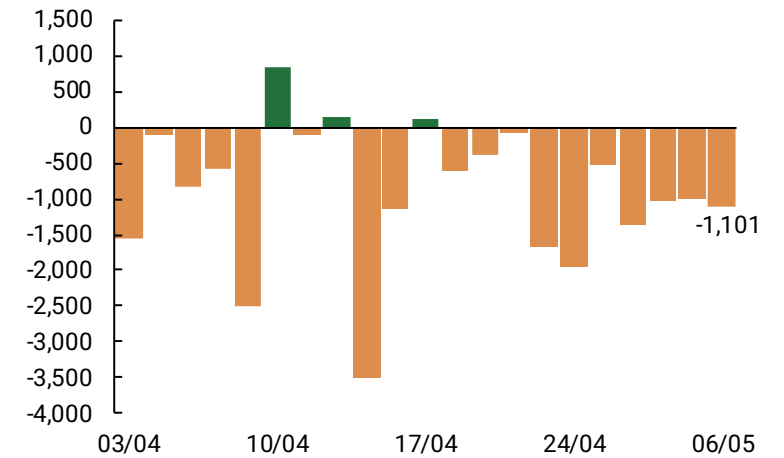
	NVL	VIX	VHM	SSI	HPG
%DoD	-3.7%	7.0%	-0.1%	4.4%	1.1%
Giá trị	1,283	973	844	782	763

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	SHB	HCM	NVL	STB	FPT
%DoD	0.7%	7.0%	-3.7%	3.5%	-1.3%
Giá trị	316	190	177	165	129

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



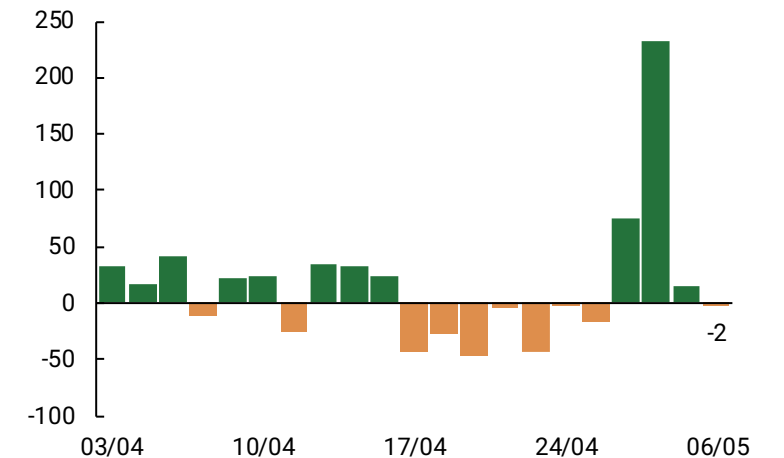
	SHS	PVS	CEO	MBS	IDC
%DoD	4.8%	-0.5%	2.3%	2.6%	0.4%
Giá trị	277	199	113	92	41

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	SHS	VFS	NVB	SGH
%DoD	0.6%	4.8%	1.5%	1.9%	0.0%
Giá trị	478	142	37	16	8

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến xanh vượt ngưỡng 1880, vol tăng trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1910.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt
- ✓ Xu hướng: Hướng tới chinh phục đỉnh cũ.

Kịch bản: Chỉ số bứt phá thành công ngưỡng 1880 điểm, củng cố cho động lượng đi lên, mục tiêu hướng tới khu vực đỉnh cũ 1900 – 1910 điểm. Điểm tích cực là độ rộng thị trường đang cải thiện, nếu trạng thái này tiếp tục được duy trì sẽ ủng hộ cho đà đi lên. Trường hợp chỉ số vượt đỉnh nhưng sự phân hóa trở lại, độ bền của xu hướng sẽ kém và gia tăng rủi ro đảo chiều sau đó.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh vượt ngưỡng 1880, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000 | 1950.
- ✓ Kháng cự: 2050 | 2100.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Hướng tới chinh phục đỉnh cũ.

Kịch bản: VN30 bứt phá trên ngưỡng 2050 điểm nhưng thanh khoản sụt giảm, hàm ý dòng tiền đang dịch chuyển khỏi nhóm vốn hóa lớn và chuyển dịch sang Mid cap. Nếu độ rộng tiếp tục duy trì tốt, chỉ số có thể hướng tới vùng đỉnh cũ 2100 điểm. Hỗ trợ gần hiện được nâng lên quanh mốc tâm lý 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	MWG	WATCH	Current price	86.00	P/E (x)	15.5
Exchange	HOSE		Watch zone	84 - 85	P/B (x)	3.5
Sector	Specialty Retailers		Target price	94	EPS	5552.0
			Cut loss price	80.5	ROE	25.4%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt trên ngưỡng MA50 ngày và có xu hướng thiết lập lại nền giá mới.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện lên ngưỡng trung bình hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 sẽ củng cố cho vị thế trung hạn
- ➔ Giá điều chỉnh lành mạnh và khả năng quay lại quán tính tăng
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá điều chỉnh về khu vực 84 – 85.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MWG	Theo dõi	07/05/2026	86.00	84 - 85	-	94	11.24%	80.5	-4.73%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	27.25	28.5 - 29	-5.2%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	60.1	60.5 - 61	-1.1%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	16.2	16.2 - 16.4	-0.6%	17.7	8.59%	15.5	-4.91%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	27.6	27.6 - 27.8	-0.4%	31	11.91%	26	-6.14%	
5	MBB	Mua	06/05/2026	-	26.05	25.9 - 26.1	0.2%	29	11.54%	24.4	-6.15%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2060, tăng 21.2 (+1.0%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Giá lưỡng lự trong phiên sáng nhưng lực cầu đã trở lại mạnh mẽ hơn vào phiên chiều thúc đẩy đà tăng.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI đang trong đà đi lên, ủng hộ cho động lượng tăng. Vị thế Long có thể cân nhắc khi giá điều chỉnh về khu vực hỗ trợ 2052 – 2055, hoặc có thể tham gia nếu giá tiếp tục củng cố được trên ngưỡng 2066. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2044
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1973.7, tăng 31 điểm (+1.6%). Độ lệch basis 6.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 40 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1960 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1990 điểm.

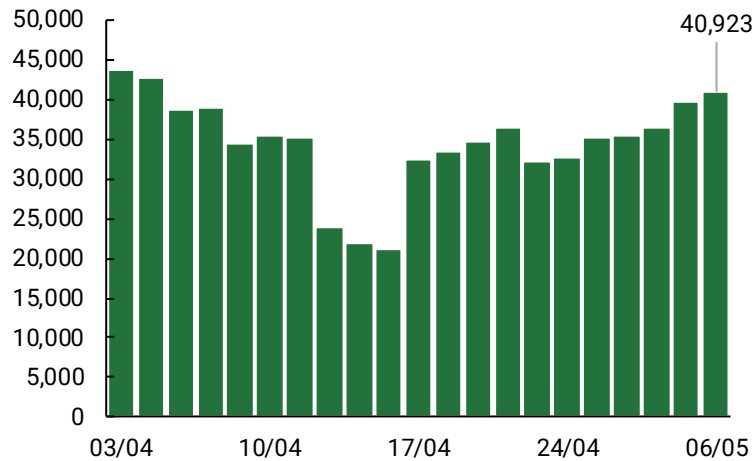
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2054	2068	2045	14 : 9
Long	> 2066	2080	2056	14 : 10
Short	< 2044	2030	2054	14 : 10

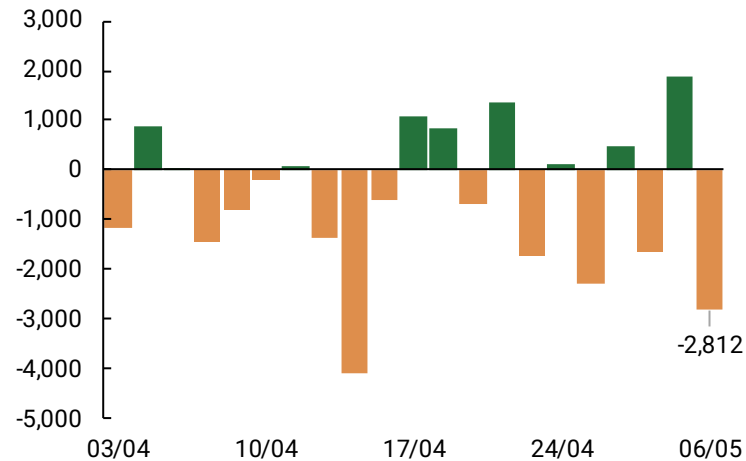
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,060.0	25.7	10	40	2,072.6	-12.6	17/12/2026	225
4111G9000	2,061.0	24.5	51	340	2,064.8	-3.8	17/09/2026	134
4111G6000	2,060.0	24.0	1,524	2,172	2,057.1	2.9	18/06/2026	43
4111G5000	2,060.0	21.2	212,119	40,923	2,054.7	5.3	21/05/2026	15
4112G5000	1,973.7	31.0	40	29	1,968.9	4.8	21/05/2026	15

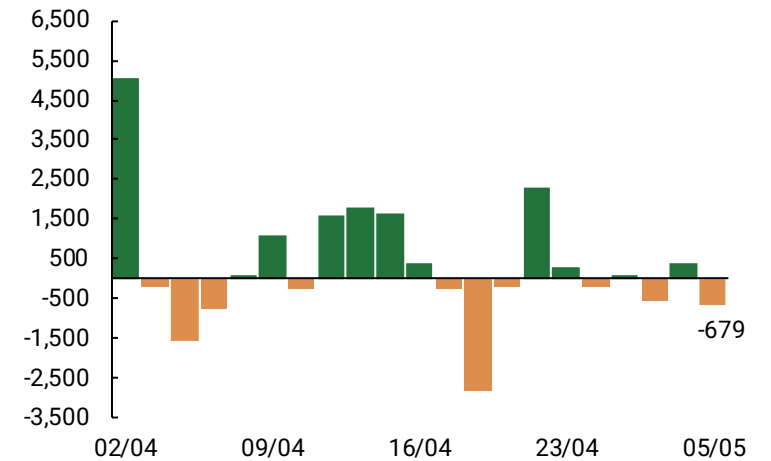
Khối lượng mở (Open interest)



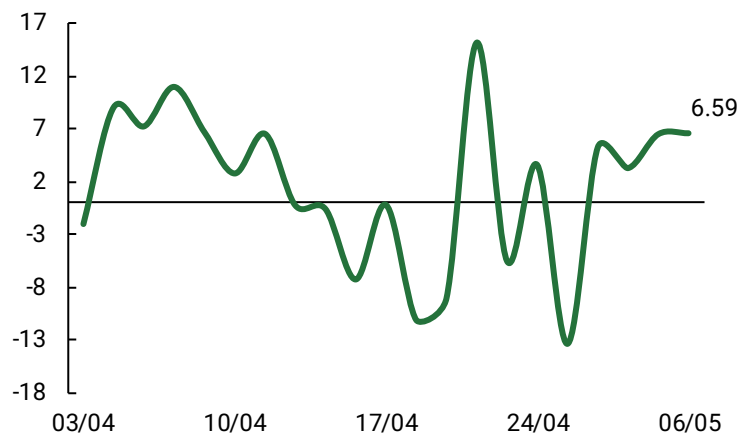
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



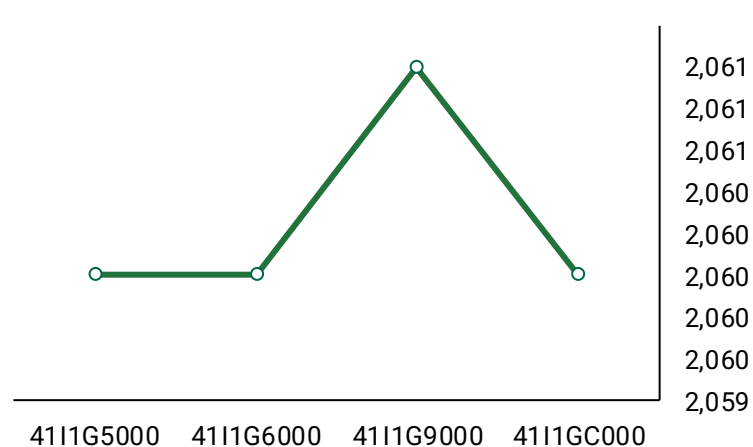
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



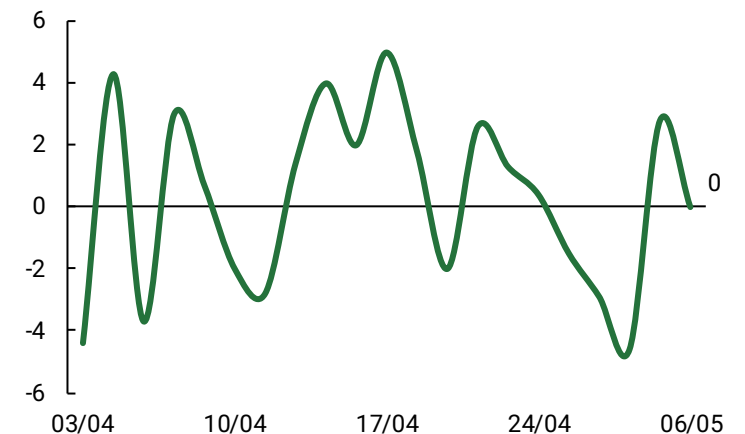
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ tuyên bố kết thúc chiến dịch quân sự nhằm vào Iran: Ngày 5/5, Ngoại trưởng Mỹ Marco Rubio tuyên bố Washington đã hoàn tất các cuộc tấn công nhằm vào Iran, trong khi vẫn cảnh báo rằng Mỹ sẵn sàng có phản ứng "tàn khốc" nếu có thêm các cuộc tấn công nhằm vào tàu thuyền tại eo biển Hormuz, theo Hãng tin AFP. Nhà ngoại giao Mỹ nêu rõ giờ đây Mỹ chuyển sang thế "phòng thủ", tập trung nhiều hơn vào việc khôi phục lưu thông thương mại qua eo biển Hormuz.

Khách quốc tế du lịch Việt Nam tăng kỷ lục: Lập kỷ lục đón 8.8 triệu lượt khách quốc tế chỉ trong 4 tháng đầu năm, du lịch Việt Nam đang vươn lên thành điểm sáng của khu vực. Mục tiêu chiến lược của du lịch Việt Nam là phải kéo dài thời gian lưu trú của khách từ mức 5-7 ngày lên thành 10 ngày/chuyến đi, cải thiện mạnh mẽ mức chi tiêu bình quân của khách. Hiện trung bình mỗi khách quốc tế chi tiêu 100-120 USD/ngày, đây là mức khá thấp so với mặt bằng khu vực.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

STB - Lợi nhuận Sacombank lao dốc: Quý 1/2026, Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt khoảng 6,042 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 4,130 tỷ đồng nhưng ngân hàng phải tăng mạnh chi phí dự phòng rủi ro tín dụng lên hơn 2,023 tỷ đồng, gấp khoảng 10 lần cùng kỳ. Đây là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận trước thuế giảm mạnh. Kết thúc quý 1, lợi nhuận trước thuế của Sacombank đạt 2,106 tỷ đồng, giảm khoảng 43% so với cùng kỳ năm trước.

SAB - Sabeco báo lãi quý I/2026 tăng trưởng hơn 55%: Trong quý I/2026, SAB ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 6,457 tỷ đồng, tăng 11.1% so với cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế đạt 1,245.4 tỷ đồng, tăng trưởng 55.75%. Tại thời điểm 30/3/2026, tổng tài sản của Sabeco đạt hơn 30,874 tỷ đồng, giảm 5.3% so với đầu năm. Đáng chú ý là khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (trên 3 tháng, dưới 1 năm) lên tới gần 15,750 tỷ đồng, chiếm hơn 51% tổng tài sản. Cũng theo thông tin từ Sabeco, ngày 29/7 tới đây Công ty sẽ chốt quyền chia cổ tức năm 2025 còn lại bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 28/8.

HSG - Lãi niên độ tài chính quý II sụt giảm 42%: Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý II niên độ 2025-2026 (từ 1/1/2026 đến 31/3/2026), Tập đoàn Hoa Sen ghi nhận doanh thu thuần đạt 8,967 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 118.6 tỷ đồng, giảm 42% so với quý II niên độ trước. Sự sụt giảm lợi nhuận có sự liên hệ với kết quả của hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính trong quý II giảm 78%, đạt 26 tỷ đồng. Ngược lại, chi phí tài chính tăng 68% lên mức 115.2 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay ghi nhận 108.2 tỷ đồng, tương đương mức tăng 139% so với cùng kỳ.

VTP - Tin Tiêu cực - Lợi nhuận quý I/2026 giảm 43.7% so với cùng kỳ: Viettel Post ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 4,758 tỷ đồng, giảm 5.6% so với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thẻ cào giảm. Các khoản chi phí trong kỳ đều tăng, trong đó chi phí tài chính tăng 78% lên hơn 32 tỷ đồng; chi phí bán hàng gấp 1.5 lần lên 41,7 tỷ đồng; chi phí bán hàng tăng 12% lên 166.5 tỷ đồng. Kết quả, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt gần 39 tỷ đồng, giảm 43.7%

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,800	73,400	36.4%	Mua
CTG	35,550	45,200	27.1%	Mua
CTD	86,600	82,900	-4.3%	Giảm tỷ trọng
DBD	50,000	68,000	36.0%	Mua
DDV	26,150	35,900	37.3%	Mua
DGW	43,500	48,500	11.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	44,450	42,900	-3.5%	Giảm tỷ trọng
DPR	42,050	46,500	10.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,325	17,200	20.1%	Mua
EVF	13,250	14,400	8.7%	Nắm giữ
FRT	147,800	157,600	6.6%	Nắm giữ
GMD	78,400	77,000	-1.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	57,000	60,300	5.8%	Nắm giữ
HDG	25,600	34,000	32.8%	Mua
HHV	12,900	12,300	-4.7%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,600	34,300	24.3%	Mua
IMP	49,200	55,000	11.8%	Tăng tỷ trọng
KDH	24,200	38,800	60.3%	Mua
MCH	131,700	177,200	34.5%	Mua
MWG	86,000	99,600	15.8%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,050	34,000	30.5%	Mua
NLG	27,250	39,900	46.4%	Mua
NT2	24,600	27,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
PHR	64,200	72,800	13.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	68,000	75,500	11.0%	Tăng tỷ trọng
PVS	40,200	39,900	-0.7%	Giảm tỷ trọng
PVT	23,500	18,900	-19.6%	Bán
POW	14,350	15,000	4.5%	Nắm giữ
SAB	47,800	57,900	21.1%	Mua
SSI	28,500	32,100	12.6%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,500	50,900	0.8%	Nắm giữ
TCB	33,900	42,400	25.1%	Mua
TCM	22,900	37,900	65.5%	Mua
TRC	74,500	94,800	27.2%	Mua
VCB	60,500	84,200	39.2%	Mua
VPB	28,000	37,000	32.1%	Mua
VCG	23,200	26,200	12.9%	Tăng tỷ trọng
VHC	61,400	60,000	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,500	66,650	8.4%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415